

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KV8 – LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HS-ST

Ngày 08 - 01- 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KV8 - LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Bình và ông Vũ Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân KV8 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV8 - Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân KV8 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST-QĐ ngày 17/12/2025 đối với bị cáo:

Vi Văn N (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 17 tháng 9 năm 1991 tại xã T, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Bản M, xã T, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công chức địa chính – xây dựng Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp hiện nay: Công chức Phòng kinh tế Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai; Bị cáo là đảng viên Đ sinh hoạt tại Chi bộ Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai; bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 03-QĐ/UBKTĐU ngày 25/9/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã T, tỉnh Lào Cai, thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng là 90 ngày, kể từ ngày 25/9/2025 và bị khai trừ Đảng theo Quyết định số 06-QĐ/UBKTĐU ngày 15/12/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã T, tỉnh Lào Cai; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn N1 và bà Lục Thị T; Vợ là chị Dương Thị N2 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã T, tỉnh Lào Cai từ ngày 20/9/2025. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Bàn Văn N3, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn B Vài S, xã T, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Anh Đặng Văn D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn A Vài S, xã T, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn A Vài S, xã T, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Chị Ngô Thị T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn A Vài S, xã T, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị T2: Bà Mai Thị P, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn A Vài S, xã T, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

5. Anh Đặng Văn C, sinh năm 1976 và chị Hoàng Thị D1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn A Vài S, xã T, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Văn N là công chức địa chính – xây dựng công tác tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai (Nay là xã T, tỉnh Lào Cai) từ ngày 01/3/2020 đến ngày 30/6/2025, được phân công phụ trách lĩnh vực địa chính - xây dựng thuộc bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân xã. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Vi Văn N là công chức Phòng kinh tế thuộc UBND xã T, tỉnh Lào Cai. Theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 17/3/2023, Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 và Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND xã T về việc phân công nhiệm vụ công chức xã T, Vi Văn N có trách nhiệm “Tham mưu giúp UBND xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã trong các lĩnh vực: Đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, khoáng sản, công tác quy hoạch, xây dựng đô thị, giao thông trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật...”

Theo nhiệm vụ đã được phân công, khi có công dân đến nộp hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn xã, Vi Văn N có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và xử lý sau khi có sự phân công rồi trình Chủ tịch UBND xã quyết định theo quy định của pháp luật, Vi Văn N không được UBND xã T giao nhiệm vụ tính thuế hoặc thu bất kỳ khoản phí, lệ phí nào liên quan đến các thủ tục hành chính về đất đai của người dân. Tuy nhiên, vào năm 2023, Vi Văn N đã vượt quá nhiệm vụ, quyền hạn được giao để trực tiếp giao dịch với 05 hộ dân và thu tiền phí, lệ phí và chi phí khác trái quy định của pháp luật để giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng đầu năm 2023, các hộ gia đình gồm: Hộ anh Bàn Văn N3; hộ anh Đặng Văn D; hộ anh Đặng Văn T1; hộ anh Đặng Văn C và chị Hoàng Thị D1; hộ chị Ngô Thị T2 có 01 thửa đất trồng cây lâu năm (CLN) diện tích khoảng hơn 500m² tại bản 1 Vài S, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai mang tên anh Đặng Văn D. Các hộ gia đình, cá nhân nêu trên đã có thỏa thuận mua bán với anh Đặng Văn D và có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất CLN sang thành đất ở nông thôn (ONT), tách thửa đối với đất ở mang tên của từng hộ gia đình.

Đến khoảng đầu năm 2023, các hộ dân nêu trên đã nhờ chị Hoàng Thị D1 là vợ anh Đặng Văn C đại diện liên hệ làm các thủ tục liên quan đến đất đai nên chị D1 đã trực tiếp đến trụ sở UBND xã T, gặp Vi Văn N và nhờ N hướng dẫn

làm các thủ tục để tách thửa đất diện tích 500m² nêu trên thành 05 thửa cho từng hộ là hộ anh Bàn Văn N3, hộ anh Đặng Văn D, hộ anh Đặng Văn T1, hộ anh Đặng Văn C, hộ chị Ngô Thị T2. Vì Văn N biết rõ với nhiệm vụ, quyền hạn của mình, N chỉ được hướng dẫn các thủ tục hành chính về đất đai, không có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thực hiện các quy trình về chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa đất, nhưng N đã hướng dẫn chị D1 thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất CLN sang thành đất ONT, tách thửa đối với từng diện tích đất ONT. Đồng thời, ngay tại đây N có nói với chị D1 việc N có thể đi làm các thủ tục trên thay chị D1 và các hộ dân; về chi phí làm thủ tục các gia đình sẽ nộp tiền cho N. Do chị D1 và các hộ gia đình không hiểu biết các thủ tục, quy định để làm các nội dung công việc theo như hướng dẫn của Vì Văn N nên đã đồng ý nộp tiền cho N để làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đã có kinh nghiệm làm các thủ tục về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Vì Văn N đã ước tính được chi phí trích đo khoảng 2.000.000 đồng/thửa; chi phí chuyển mục đích sử dụng đất là 320.000 đồng/m² nhưng khi thông báo cho chị D1 tổng số tiền phải nộp, Vì Văn N đã thông báo cao hơn so với số tiền thực tế nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền chênh lệch để tiêu sài cá nhân, cụ thể: Tiền trích đo là 2.700.000 đồng/thửa, tiền chuyển mục đích sử dụng đất là 350.000 đồng/m² (số tiền cụ thể của các hộ sẽ tính theo diện tích của từng thửa đất). Sau đó các hộ gia đình đều đồng ý nộp tiền theo yêu cầu của Vì Văn N (do có nhiều phần công việc phải thực hiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng hộ dân trên, nên khi làm hồ sơ đến bước nào thì N thu tiền đến bước đó). Giữa N và các hộ dân không có sự thỏa thuận về việc trả công hoặc hứa thưởng lợi ích kinh tế về việc N đi làm hồ sơ, thực hiện thủ tục đo đạc, chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên.

Đến khoảng tháng 6/2023, sau khi có kết quả trích đo, Vì Văn N gọi điện thoại cho chị Hoàng Thị D1 để nhờ chị D1 thu tiền đo đạc của 05 hộ gia đình nêu trên với số tiền 2.700.000 đồng/01 hộ, tương đương số tiền 13.500.000 đồng/05 hộ. Sau khi thu tiền, chị D1 đã đưa cho N số tiền trên tại phòng làm việc của Ngọt ở UBND xã T. Sau đó N đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B (cũ), gặp ông Nguyễn Chiến T3 là cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để nộp tiền trích đo. Tại đây ông T3 đã xuất hoá đơn bán hàng số 1309 ngày 07/7/2023 và thu tiền trích đo là 6.480.000 đồng.

Sau khi đo đạc xong Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện biên tập, trả kết quả tách thửa và chỉ cho phép tách thành 03 thửa. Sau đó Vì Văn N viết hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất đối với 03 thửa đất đã tách gồm: Thửa đất số 109, diện tích 329,7m² (tương ứng thửa đất của 03 hộ ông Đặng Văn D, hộ ông Đặng Văn T1, hộ ông Bàn Văn N3); thửa đất số 110, diện tích 115,5m² (tương ứng diện tích đất của hộ ông Đặng Văn C); thửa đất số 111, diện tích 84,5m² (tương ứng diện tích đất của hộ bà Ngô Thị T2) đều mang tên anh Đặng

Văn D để gửi đến bộ phận một cửa của UBND huyện B, sau đó hồ sơ được chuyển sang cơ quan thuế để tính tiền thuế, phí phải nộp.

Khoảng tháng 11/2023, sau khi có thông báo của cơ quan thuế về việc yêu cầu các hộ dân nộp tiền thuế chuyển mục đích sử dụng đất, lệ phí trước bạ thì Vi Văn N thông báo cho chị Hoàng Thị D1 bảo các hộ dân chuẩn bị tiền để lấy sổ bìa đỏ, số tiền khoảng từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng/1 hộ. Đến đầu năm 2024, Vi Văn N bảo chị D1 thông báo các hộ gia đình Bàn Văn N3, Đặng Văn D, Đặng Văn T1, Đặng Văn C, Ngô Thị T2 đến nhà chị D1 để nộp tiền cho N. Tại nhà chị D1, Vi Văn N thông báo cho các hộ gia đình trên số tiền thuế lấy sổ đỏ là 350.000 đồng/01m², tùy theo diện tích đất của các hộ thì sẽ nhận ra số tiền phải nộp, sau đó các hộ đã nộp cho N số tiền, cụ thể: Hộ anh Đặng Văn C và chị Hoàng Thị D1 đã nộp 40.425.000 đồng; hộ bà Ngô Thị T2 đã nộp 29.575.000 đồng; hộ Đặng Văn D, Đặng Văn T1, Bàn Văn N3 có thửa đất chưa tách thửa là 115.395.000 đồng. Các hộ đã nộp cho Vi Văn N tổng số tiền 185.395.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Vi Văn N đã nhận từ 05 hộ dân là 198.895.000 đồng.

Vi Văn N đã sử dụng 114.934.000 đồng để làm hồ sơ đo đạc, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 05 hộ gia đình.

Sau khi nộp tiền, UBND huyện B đã cấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn đối với 03 thửa đất: Thửa đất số 109, diện tích 329,7m²; thửa đất số 110, diện tích 115,5m²; thửa đất số 111, diện tích 84,5m² đều mang tên ông Đặng Văn D. Sau đó, Vi Văn N đã đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất gồm: (1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 751973, thửa đất số 111, tờ bản đồ số 141, diện tích 84,5m², địa chỉ thửa đất: bản 1 Vài Siêu, xã T chuyển nhượng từ anh Đặng Văn D sang tên chị Ngô Thị T2; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 210161, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 141, diện tích 115,5m², địa chỉ thửa đất: bản 1 Vài Siêu, xã T chuyển nhượng từ anh Đặng Văn D sang tên anh Đặng Văn C; (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 863838, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 141, diện tích 329,7m², địa chỉ thửa đất: bản 1 Vài Siêu, xã T mang tên chủ sở hữu là anh Đặng Văn D (đến nay chưa làm thủ tục tách thửa để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng hộ gia đình anh Đặng Văn D, Đặng Văn T1, Bàn Văn N3).

Đối với số tiền còn lại 83.961.000 đồng sau khi đã trừ đi các chi phí, thủ tục liên quan, Vi Văn N đã chi tiêu, sử dụng hết vào mục đích cá nhân. Sau nhiều lần thúc giục Vi Văn N về kết quả làm thủ tục đất đai nhưng không có kết quả, các hộ dân nêu trên đã tố cáo hành vi của Vi Văn N đến Cơ quan điều tra, yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKS-KV8 ngày 21/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân KV8 – Lào Cai truy tố Vi Văn N về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Bị hại khai phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV8 – Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Vi Văn N phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 05 năm.

- Về hình phạt bổ sung đối với bị cáo: Hiện tại bị cáo không có tài sản riêng, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Xét thấy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Sam Sung, phần màn hình bị vỡ, điện thoại đã hỏng không mở kiểm tra được (bên trong điện thoại không có thẻ sim).

+ Tuyên tạm giữ của bị cáo số tiền 83.961.000 đồng do bị cáo đã giao nộp để đảm bảo thi hành án và xử lý như sau:

+ Tuyên trả lại cho các bị hại số tiền đã bị Vi Văn N chiếm đoạt, cụ thể như sau: ông Đặng Văn D 28.019.111 đồng; ông Bàn Văn N3 28.019.111 đồng; ông Đặng Văn T1 23.414.112 đồng.

+ Đối với số tiền 2.042.458 đồng Vi Văn N đã chiếm đoạt của bà Ngô Thị T2, bà T2 đã có đơn không yêu cầu bồi thường và cho N số tiền trên nên cần tuyên trả cho bị cáo Vi Văn N.

+ Đối với số tiền 2.466.208 đồng Vi Văn N đã chiếm đoạt của ông Đặng Văn C, ông C đã có đơn không yêu cầu bồi thường và cho N số tiền trên nên cần tuyên trả cho bị cáo Vi Văn N.

Như vậy, tổng số tiền cần tuyên trả cho Vi Văn N là 4.508.666 đồng. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ 200.000 đồng trong tổng số tiền đã tuyên trả cho N nêu trên để đảm bảo việc thi hành án phí hình sự sơ thẩm. T4 trả cho N số tiền còn lại là 4.308.666 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự, đề nghị:

+ Tuyên trả lại cho các bị hại số tiền đã bị Vi Văn N chiếm đoạt, cụ thể: Ông Đặng Văn D 28.019.111 đồng; ông Bàn Văn N3 28.019.111 đồng; ông Đặng Văn T1 23.414.112 đồng.

+ T4 trả cho Vi Văn N 4.308.666 đồng.

- Về án phí: Tuyên thu án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Vi Văn N 200.000 đồng. Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết pháp luật. Bị cáo nhận thức rõ bản thân là công chức địa chính – xây dựng xã T, tỉnh Lào Cai chỉ có nhiệm vụ hướng dẫn các thủ tục hành chính về đất đai, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, thủ tục tách thửa; không được phân công nhiệm vụ trực tiếp nhận và xử lý hồ sơ, không được ủy quyền thu phí, lệ phí và thuế khi người dân đến làm thủ tục hành chính về đất đai, đồng thời nhận thức được số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Nhưng năm 2023, bị cáo đã trực tiếp nhận và xử lý hồ sơ, thu tăng mức phí, lệ phí và thuế khi làm thủ tục hành chính về đất đai để chiếm đoạt số tiền 83.961.000 đồng của 05 hộ dân để làm thủ tục tách 01 thửa đất trồng cây lâu năm (CLN) diện tích khoảng hơn 500m² tại bản 1 Vài S, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai mang tên anh Đặng Văn D cho 05 hộ gia đình, cá nhân đã có thỏa thuận mua bán với anh Đặng Văn D và có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất CLN sang thành đất ở nông thôn (ONT), tách thửa đối với đất ở mang tên của từng hộ gia đình. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự. Kháng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước và tài sản của người khác, gây mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân. Do vậy cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật, quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã có ý thức khắc phục hậu quả, tự nguyện giao nộp ngay số tiền đã chiếm đoạt vào tài khoản của Cơ quan cảnh

sát điều tra nay đã được nộp vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai; quá trình điều tra bị cáo có thái độ ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác, làm việc với cơ quan điều tra. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có ông nội là ông Vi Văn C1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; có bà ngoại là bà Hoàng Thị N4 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; có bố đẻ là ông Vi Văn N1 được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; bản thân bị cáo trong quá trình công tác tại UBND xã T được tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh L; được tặng thưởng nhiều danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, danh hiệu lao động tiên tiến của Chủ tịch UBND xã T; tất cả bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s,v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đang phải nuôi hai con còn rất nhỏ; vợ bị cáo sức khỏe yếu do hậu quả tai nạn giao thông, thường xuyên bị lo âu, trầm cảm, bị quan phải điều trị thuốc nên bị hạn chế khả năng lao động. Bố bị cáo đang bị ung thư hạ giọng giai đoạn IV, bệnh đái tháo đường phụ thuộc Insuline, tăng huyết áp vô căn. Bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình phải trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động, chưa đến tuổi lao động được trường Bản Mai 2 và Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai xác nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp.

- Về hình phạt bổ sung đối với bị cáo: Hiện tại bị cáo không có tài sản riêng, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Xét thấy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền là 83.961.000 đồng: Chiếm đoạt của anh Đặng Văn D số tiền 28.019.111 đồng; chiếm đoạt của anh Bàn Văn N3 số tiền 28.019.111 đồng; chiếm đoạt của anh Đặng Văn T1 số tiền 23.414.112 đồng. Chiếm đoạt của anh Đặng Văn C và chị Hoàng Thị D1 số tiền 2.466.208 đồng; chiếm đoạt của chị Ngô Thị T2 số tiền 2.042.458 đồng.

Ngày 28/10/2025 bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 83.961.000 đồng vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L để khắc phục hậu quả; ngày 08/12/2025 số tiền 83.961.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L nộp thay cho bị cáo vào Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo Biên lai số 0000416 ngày 08/12/2025.

Bị hại anh Bàn Văn N3, anh Đặng Văn D, anh Đặng Văn T1 yêu cầu Vi Văn N phải trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy yêu cầu của các bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền để trả lại cho anh N3, anh D, anh T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần tuyên trả lại cho bị hại anh Đặng Văn D số tiền 28.019.111 đồng; trả lại cho bị hại anh Bàn Văn N3 số tiền 28.019.111 đồng; trả lại cho bị hại anh Đặng Văn T1 số tiền

23.414.112 đồng trong tổng số tiền bị cáo đã tự nguyện giao nộp là 83.961.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Bị hại là vợ chồng anh Đặng Văn C và chị Hoàng Thị D1; chị Ngô Thị T2 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt và đều có ý kiến cho bị cáo số tiền này nên Hội đồng xét xử cần tuyên trả lại cho bị cáo số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại này sau khi đã tạm giữ để đảm bảo thi hành án phí hình sự sơ thẩm trong tổng số tiền bị cáo đã tự nguyện giao nộp là 83.961.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

[5] Đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Quá trình điều tra, xác định Chi nhánh Văn phòng Đ; Phòng Tài nguyên môi trường khu vực B và Thuế cơ sở 5 tỉnh Lào Cai và Ủy ban nhân dân các cấp có liên quan đã thực hiện đúng thẩm quyền. Trong quá trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình ký và phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có căn cứ xác định cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị này có hành vi tiêu cực, nhận tiền hoặc lợi ích vật chất từ bị cáo Vi Văn N hoặc các cá nhân khác có liên quan. Do đó, không có căn cứ xem xét xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 83.961.000 đồng do bị cáo Vi Văn N tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Cơ quan điều tra đã nộp số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L. Đến nay đã được nộp vào cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Hội đồng xét xử cần tuyên tiếp tục tạm giữ số tiền 79.452.334 đồng để đảm bảo thi hành án đối với các bị hại anh Đặng Văn D, anh Đặng Văn T1 và anh Bàn Văn N3; tạm giữ 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án phí hình sự sơ thẩm. Trả lại số tiền 4.308.666 đồng cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Sam Sung, phần màn hình bị vỡ, điện thoại đã hỏng không mở kiểm tra được (bên trong điện thoại không có thẻ sim) là chiếc điện thoại do bị cáo Vi Văn N giao nộp và khai nhận đã sử dụng vào việc liên hệ với các hộ dân nhằm thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa là phù hợp pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Vi Văn N phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn N 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vi Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự:

Tuyên trả lại cho bị hại anh Đặng Văn D số tiền 28.019.111 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm mười chín nghìn một trăm mười một đồng); trả lại cho bị hại anh Bàn Văn N3 số tiền 28.019.111 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm mười chín nghìn một trăm mười một đồng); trả lại cho bị hại anh Đặng Văn T1 số tiền 23.414.112 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm mười bốn nghìn một trăm mười hai đồng) trong tổng số tiền bị cáo đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả là 83.961.000 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo Biên lai số 0000416 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tạm giữ: 79.452.334 đồng (Bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm ba mươi tư đồng) và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Số tiền tạm giữ tổng cộng là 79.652.334 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn ba trăm ba mươi tư đồng) trong tổng số tiền bị cáo đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả là 83.961.000 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo Biên lai số 0000416 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai để đảm bảo thi hành án.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Vi Văn N số tiền 4.308.666 đồng (Bốn triệu ba trăm linh tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) là tiền bị hại anh Đặng Văn C và chị Hoàng Thị D1; chị Ngô Thị T2 cho bị cáo trong tổng số tiền bị cáo đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả là 83.961.000 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo Biên lai số 0000416 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Sam Sung, phần màn hình bị vỡ, điện thoại đã hỏng, không mở kiểm tra được (bên trong điện thoại không có thẻ sim) tạm giữ của bị cáo Vi Văn N.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/11/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng thi hành án dân sự KV8 – Lào Cai).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vi Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV8 – Lào Cai;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- Phân trại tạm giam Văn Bàn
thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Lào Cai;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp; Bị cáo;
- Thi hành án (2);
- Lưu HS,TA,THS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Lào Cai;
- Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Thi hành án (2);
- LưuHS,TA,THS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Văn Bàn;
- Công an huyện Văn Bàn;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp; Bị cáo;
- Thi hành án (2);
- LưuHS,TA,THS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Văn Bàn;
- Công an huyện Văn Bàn;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp; Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Thi hành án (2);
- LưuHS,TA,THS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

